

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – GIA LAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/9/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý;

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vinh.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 08 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990. CCCD số: 064190008642 do Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988. CCCD số: 062088004793 do Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

Cùng địa chỉ: C L, phường Y (nay là phường T), tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ngày 29/10/2014 chị T với T1 đến với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; sau kết hôn sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói

chung dẫn đến việc cãi nhau xảy ra liên tục, qua nhiều lần mâu thuẫn tôi và anh T1 tuy sống chung một nhà nhưng cả hai ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng không quan tâm chăm sóc đến nhau; bản thân tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có một con chung là cháu Trần Linh N, sinh ngày 05/5/2015. Theo nguyện vọng của cháu N và nguyện vọng tôi là ly hôn tôi là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Linh N cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn T1, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (*Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa*) cho anh T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh T1 đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại phường T, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị T và anh T1, chị T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với anh T1. Về con chung chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Linh N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đề nghị HĐXX giao cháu Trần Linh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N thành niên. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn T1 có địa chỉ thuộc quản lý của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai. Đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn T1 tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T1.

[2]. Về nội dung: Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm giữa chị T với anh T1 cả hai không có tiếng nói chung, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, thời gian sống chung một nhà nhưng ly thân không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị T không còn tình cảm yêu thương anh T1, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn anh T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, chị T và anh T1 trong thời kỳ hôn nhân có một con chung là cháu Trần Linh N, sinh ngày 15/5/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến gì về con chung, xét nguyện vọng chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Linh N và nguyện vọng của cháu N là có căn cứ, cần giao con chung Trần Linh N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T. Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Văn T1.

2. Giao con chung chưa thành niên là Trần Linh N, sinh ngày 05/5/2015 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

*Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.*

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 001710 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Gia Lai). Chị Trần Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/9/2025) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- UBND phường Yên Thế, Pleiku, tỉnh Gia Lai; số 169, quyển số 02, ngày 29/10/2014 (nay là phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngà**







